

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ THAM GIA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC HUẾ

Trần Phan Khánh Trang¹, Trần Thị Khánh Trâm¹, Đỗ Trường Xuân¹,
Cái Thị Thanh Lâm¹

Ngày nhận bài: 05/07/2023

Ngày nhận bản sửa: 25/08/2023

Ngày duyệt đăng: 29/09/2023

Tóm tắt. Nghiên cứu được thực hiện với mục đích xác định các nhân tố tác động đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên tại trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế. Dựa trên kết quả khảo sát của 249 sinh viên tại trường, đây là những sinh viên đã và đang tham gia nghiên cứu khoa học, ngoài ra cũng có một số sinh viên chưa tham gia nghiên cứu khoa học nhưng đã tìm hiểu về hoạt động nghiên cứu khoa học tham gia cùng khảo sát. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng Lợi ích và Thái độ đối với việc nghiên cứu khoa học có tác động tích cực và lớn nhất đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên. Ngược lại, những Khó khăn (rào cản) từ phía bản thân sinh viên có tác động ngược chiều đến việc tham gia nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, các Khó khăn từ nhà trường không ảnh hưởng đến việc tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên tại trường. Từ kết quả đó, nhóm tác giả cũng đề xuất một số giải pháp cho nhà trường nhằm nâng cao nhận thức về lợi ích và thái độ nghiên cứu khoa học của sinh viên; đồng thời hỗ trợ, giải quyết các rào cản về cá nhân của các bạn sinh viên giúp cho sinh viên có động lực hơn trong việc tham gia nghiên cứu khoa học.

Từ khoá: Nghiên cứu khoa học; Sinh viên; Rào cản; Lợi ích.

1. Giới thiệu

Nghiên cứu khoa học của sinh viên có vai trò rất quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong giáo dục đại học hiện nay. Việc thực hiện nghiên cứu khoa học giúp sinh viên mở rộng vốn kiến thức cũng như vốn kỹ năng mềm của bản thân và cũng là cơ hội để sinh viên áp dụng những kiến thức lý thuyết đã học vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn. Ngoài ra, nghiên cứu khoa học không chỉ cung cấp cho sinh viên cơ hội tiếp cận với lĩnh vực chuyên môn yêu thích, mà còn tạo cho sinh viên một tác phong làm việc khoa học, rèn luyện cho sinh viên cách nhìn nhận vấn đề một cách khách quan, đa chiều.

¹Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, email: tpktrang@hce.edu.vn

Thực tế, hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên ở Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế trong thời gian qua, mặc dù được quan tâm và có nhiều biện pháp khuyến khích, hỗ trợ nhưng nghiên cứu khoa học sinh viên trong nhà trường chưa phát triển đúng tiềm năng. Số đề tài đăng ký hàng năm còn thấp so với số lượng sinh viên trong toàn trường. Năm 2022 có số lượng đăng ký cao nhất cũng chỉ có 53 đề tài so với khoảng 8.000 sinh viên. Kinh phí dành cho đề tài, các hoạt động nghiên cứu của sinh viên chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn 3% học phí hàng năm theo quy định. Chất lượng nghiên cứu còn hạn chế, rất hiếm đề tài được các giải thưởng cao của Bộ giáo dục, kết quả nghiên cứu chưa được công bố trên các tạp chí có uy tín, số lượng đề tài không thể hoàn thành đang ở tỷ lệ báo động ví dụ trong năm 2022 có 9/25 đề tài thực hiện năm 2021 xin hủy (Số liệu thống kê từ phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 2022).

Nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế sẽ giúp đánh giá được những tác động tích cực và chưa tích cực đến động lực và hành vi tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên. Từ đó, đóng góp những ý kiến thiết thực cho nhà trường nhằm cải thiện và nâng cao hoạt động tham gia nghiên cứu khoa học của các bạn sinh viên.

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu đề xuất

2.1. Các khái niệm có liên quan và các mô hình nghiên cứu trước đây

Nghiên cứu khoa học: Theo C. Robson (2010), nghiên cứu khoa học là nghiên cứu có hệ thống các lý thuyết khoa học và giải thuyết nghiên cứu. Nghiên cứu khoa học dựa vào việc ứng dụng các phương pháp khoa học để phát hiện ra những cái mới về bản chất sự vật, về thế giới tự nhiên và xã hội, và để sáng tạo phương pháp và phương tiện kỹ thuật mới cao hơn, giá trị hơn (Armstrong và Sperry 1994). Như vậy, nghiên cứu khoa học là một quá trình sử dụng những phương pháp khoa học, phương pháp tư duy để khám phá các hiện tượng và phát hiện quy luật. Từ đó, nâng cao trình độ hiểu biết để có thể giải quyết những nhiệm vụ lý luận hay thực tiễn và quan trọng là đưa ra các đề xuất trên cơ sở của kết quả nghiên cứu.

Thái độ: Thái độ được hiểu là cách nghĩ, cách nhìn và cách hành động theo một hướng nào đó trước một vấn đề (Hoàng Phê, 2011). Thái độ tham gia nghiên cứu khoa học được biểu hiện ở mặt hứng thú (xúc cảm) (Hoàng Trường, 2016) và thái độ dẫn đến hành

vi. Sinh viên cảm thấy thú vị đối với việc nghiên cứu khoa học, bản thân cảm thấy tự hào và nghiên cứu khoa học làm tăng giá trị cho bản thân (Abeer Abuzeid Atta Elmannan và Cộng sự, 2021). Do đó, thái độ càng tích cực thì sẽ gia tăng sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên. Ngoài ra, Abeer cũng cho rằng, nghiên cứu khoa học không quá phức tạp thì ý định thực hiện cũng sẽ cao hơn.

Lợi ích: Sự đánh giá về các lợi ích từ nghiên cứu khoa học càng cao thì thúc đẩy hành vi tham gia nghiên cứu khoa học. Troy D.Sadler and Lyle McKinney (2010) cho rằng nghiên cứu khoa học giúp củng cố xây dựng đạo đức trong nghiên cứu khoa học. Giúp nâng cao kiến thức (phát triển trí tuệ), khả năng tư duy phản biện và các kỹ năng khác (Abeer Abuzeid Atta Elmannan và Cộng sự, 2021).

Khó khăn (rào cản) từ nhà trường: Chế độ chính sách, kinh phí được chu cấp thực hiện NCKH ảnh hưởng đến việc tham gia nghiên cứu khoa học (Jacob&Lefgren, 2011). Nhà trường chưa thể hiện được tầm quan trọng và sự ưu tiên của nghiên cứu khoa học, chương trình học quá nhiều, thiếu sự hướng dẫn từ giảng viên, hạn chế về cơ sở vật chất, kinh phí chưa đủ (Hasan Ashtafi-rizi và Cộng sự, 2015). Những yếu tố này gây cản trở cho việc nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Khó khăn (rào cản) từ cá nhân: Các yếu tố của cá nhân được sử dụng để đánh giá đến sự thành công là năng lực cá nhân (Azal & Seyyed, 2007), kiến thức và phương pháp nghiên cứu (Hasan Ashtafi-rizi và Cộng sự 2015), kinh nghiệm trong nghiên cứu (Hasan Ashtafi-rizi và Cộng sự 2015) và thời gian dành cho nghiên cứu hạn chế (Stockfelt và cộng sự 2016). Như vậy, những nhân tố này nếu bị hạn chế sẽ trở thành những rào cản đối với hành vi nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Nghiên cứu của Hasan Ashrafi-rizi và cộng sự 2015 được thực hiện trên 357 sinh viên tại trường đại học để chỉ ra những khó khăn trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Bảng hỏi với 50 biến quan sát được đo bằng thang đo Likert 5 điểm, kết quả nghiên cứu cho thấy, những rào cản chính là những khó khăn từ phía sinh viên như thiếu kiến thức về phương pháp nghiên cứu, thiếu kinh nghiệm về nghiên cứu khoa học và thiếu sự hiểu biết về các quy định, tiêu chuẩn của bài báo trên tạp chí, bên cạnh đó các rào cản về phía tổ chức thì ảnh hưởng rất ít đến việc nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Một nghiên cứu khác của Abeer Abuzeid Atta Elmannan và cộng sự (2021) cho thấy rằng việc thiếu thời gian, thiếu sự hướng dẫn, thiếu đào tạo và hỗ trợ nghiên cứu, thiếu cơ hội nghiên cứu là những rào cản ảnh hưởng lớn đến sự tham gia trong nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Tại Việt Nam, một số công trình nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực này như, công trình nghiên cứu của Hà Đức Sơn và Nông thị Như Mai (2018) tại trường Đại học Tài chính - Marketing đã chỉ ra bốn yếu tố ảnh hưởng, cụ thể là Môi trường nghiên cứu, Động cơ, Năng lực sinh viên và sự quan tâm khuyến khích của nhà trường, trong đó môi trường nghiên cứu tác động nhiều nhất đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên. Nghiên cứu của Phạm Văn Quang và cộng sự (2018) lại đưa ra bốn nhóm nhân tố có ảnh hưởng đến động lực tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên là Giảng Viên, Năng lực của Sinh viên, Chính sách của nhà trường và Cơ sở vật chất. Trong đó, nhân tố giảng viên là nhân tố tác động cao nhất.

Tóm lại, các kết quả nghiên cứu đều thống nhất chỉ ra rằng những yếu tố xuất phát từ phía bản thân sinh viên và sự hỗ trợ từ giảng viên có tác động mạnh mẽ đến việc tham gia nghiên cứu khoa học. Đồng thời, các tác giả nước ngoài cũng chỉ ra sâu hơn rằng sự thiếu hiểu biết, kiến thức, kỹ năng và thời gian thực hiện nghiên cứu khoa học đang là những khó khăn hay rào cản có ảnh hưởng đến việc nghiên cứu khoa học. Thêm nữa, các nghiên cứu cũng cho rằng các yếu tố từ tổ chức, từ chính sách của nhà trường và cơ sở vật chất cũng có ảnh hưởng đến việc tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên. Dựa trên sự tổng kết đó, nhóm tác giả mong muốn xây dựng mô hình vừa có kế thừa từ các mô hình trên vừa có sự kết hợp với tình hình thực tế nghiên cứu khoa học tại trường.

2.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Trong mô hình nghiên cứu này, sự tham gia nghiên cứu khoa học trong mô hình mới được đo lường bởi 4 nhóm yếu tố bao gồm Thái độ, Lợi ích, Khó khăn từ cá nhân và Khó khăn từ nhà trường. Khi khảo sát thực tế bằng việc phỏng vấn các bạn sinh viên đã tham gia nghiên cứu khoa học kết hợp với sự góp ý từ các giảng viên có kinh nghiệm hướng dẫn nghiên cứu khoa học, nhóm tác giả đã đề xuất một số thang đo mới trong nhóm nhân tố Khó khăn như: Hạn chế trong việc tiếp cận với số liệu thống kê và các nguồn dữ liệu,

Thiếu kiến thức tổng quan về việc nghiên cứu khoa học, Thiếu sự chủ động trong việc thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, Thời gian phê duyệt các đề tài quá lâu và Thủ tục hành chính từ lúc bắt đầu đăng ký nghiên cứu khoa học đến nghiệm thu phức tạp và bị động. Như vậy dựa trên sự phân tích đó, mô hình và các giả thuyết cụ thể mà nhóm tác giả đề xuất để kiểm chứng như sau:

H₁: Thái độ đối với nghiên cứu khoa học tác động tích cùng chiều sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên

Thái độ đối với nghiên cứu khoa học tác động tích cùng chiều sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên thuyết cụ thể như sau: nghiên cứu khoa học đến nghiệm thu phức tạp và bị động.ng tự hào và làm tăng giá trị bản thân hay không.

H₂: Lợi ích đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học có tác động cùng chiều đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên

Lợi ích của việc tham gia nghiên cứu khoa học có mang lại nhiều kiến thức, nâng cao tư duy phản biện, cải thiện các kỹ năng hay giúp xây dựng đạo đức của sinh viên không.

H₃: Khó khăn từ cá nhân đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học có tác động ngược chiều đến sự tham gia nghiên cứu khoa học.

Khó khăn (rào cản cá nhân đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học có tác động ngược chiều đến sự tham gia nghiên cứu khoa học.hay giúp xây dựng đạo đức của sinh viên không. c tạp và bị động.ng tự hào và

H₄: Khó khăn từ nhà trường đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học có tác động ngược chiều đến sự tham gia nghiên cứu khoa học.

Khó khăn (rào cản nghiên cứu khoa học trường là các yếu tố như thiếu sự hướng dẫn từ giảng viên, cán bộ phòng nghiên cứu khoa học, thiếu sự chủ động thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, hay chưa thật sự ưu tiên việc nghiên cứu khoa học trong chương trình đào tạo. Ngoài ra, kinh phí hạn chế, thiếu cơ sở vật chất hay các thủ tục hành chính liên quan đến quá trình nghiên cứu khoa học phức tạp....cũng ảnh hưởng đến việc nghiên cứu khoa học.

2.3. Phương pháp nghiên cứu và thang đo

Đối với việc tính cỡ mẫu, theo Nguyễn Đình Thọ (2013), cỡ mẫu tối thiểu cho phương pháp phân tích nhân tố EFA là 50, tốt hơn là 100, hoặc tỷ lệ biến quan sát và biến

đo lường tương ứng là 5:1, mô hình nghiên cứu đề xuất của bài viết có 32 biến quan sát thì số mẫu yêu cầu tối thiểu (n) là: $32 \times 5 = 160$ mẫu. Để kết quả tin cậy cao hơn nhóm tác giả đã khảo sát 270 phiếu điều tra, kết quả thu về được 249 phiếu hợp lệ.

Đối với đối tượng nghiên cứu, đây là những sinh viên đã, đang tham gia nghiên cứu khoa học hoặc đã tìm hiểu về hoạt động nghiên cứu khoa học tại trường Đại học Kinh Tế, Đại học Huế. BuĐại họctiên, nhóm tác giả dựa vào số liệu thống kê từ phòng khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế, để có được danh sách và địa chỉ email của các bạn sinh viên đã tham gia nghiên cứu khoa học từ năm 2018 đến năm 2022. Đối với nhóm đối tượng này, tiến hành khảo sát online thông qua google form. Bước tiếp theo, cùng với phương pháp chọn mẫu phi xác suất theo phương pháp thuận tiện, nhóm tác giả khảo sát trực tiếp bằng bảng hỏi giấy để thu về kết quả khảo sát. Khi khảo sát tác giả cũng kết hợp việc quan sát và trao đổi với đối tượng về các vấn đề có liên quan để tăng tính chính xác của các câu trả lời. Thời gian thực hiện từ 06/2023 đến tháng 08/2023.

Nghiên cứu chính thức được thực hiện bằng phương pháp định lượng cụ thể là xử lý, tổng hợp và phân tích bằng phần mềm SPSS 26 bao gồm kiểm tra độ tin cậy Cronbach Alpha để đánh giá độ tin cậy của các thang đo, phân tích nhân tố EFA để kiểm tra và xác định lại các nhóm biến trong mô hình nghiên cứu, phân tích hồi quy để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến việc tham gia nghiên cứu khoa học là mô hình hàm hồi quy tuyến tính. Nhóm tác giả sử dụng thang đo Likert 5 điểm từ 1: hoàn toàn không đồng ý đến 5: hoàn toàn đồng ý.

Bảng 2.1: Các thang đo đề xuất

Biến quan sát	Thang đo	Nguồn
TD	Thái độ đối với việc nghiên cứu khoa học	
TD1	Nghiên cứu khoa học là điều thú vị	Abeer Abuzeid Atta Elmannan và Cộng sự (2021)
TD2	Nghiên cứu khoa học làm tăng giá trị cho bản thân	
TD3	Nghiên cứu khoa học không quá phức tạp	
TD4	Tôi cảm thấy tự hào khi tham gia nghiên cứu khoa học	
LI	Lợi ích đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học	
LI1	Nghiên cứu khoa học giúp nâng cao kiến thức (phát triển trí tuệ)	Abeer Abuzeid Atta Elmannan và Cộng sự (2021), Troy D.Sadler and
LI2	Nghiên cứu khoa học giúp phát triển nâng cao tư duy phản biện	

LI3	Nghiên cứu khoa học giúp nâng cao sự tự tin vào năng lực bản thân	Lyle McKinney (2010)
LI4	Nghiên cứu khoa học giúp làm tăng thái độ tích cực của bản thân	
LI5	Nghiên cứu khoa học giúp đạt nhiều hiểu biết sâu hơn về khoa học và bản chất của khoa học	
LI6	Nghiên cứu khoa học giúp tăng các kỹ năng của con người (giao tiếp, viết luận, thiết kế, thu thập dữ liệu, sử dụng máy tính, làm việc nhóm...)	
LI7	Nghiên cứu khoa học giúp xây dựng đạo đức trong nghiên cứu khoa học	
KKCN	Khó khăn (rào cản) từ cá nhân đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học	
KKCN1	Thiếu hứng thú hoặc động lực để nghiên cứu	Hasan Ashtafi-rizi và Cộng sự (2015), Abeer Abuzeid Atta Elmannan và Cộng sự (2021)
KKCN2	Thiếu trình độ tiếng Anh	
KKCN3	Thiếu kiến thức và kỹ năng về phương pháp nghiên cứu	
KKCN4	Hạn chế trong việc tiếp cận với số liệu thống kê và các nguồn dữ liệu	
KKCN5	Thiếu kiến thức tổng quan về việc nghiên cứu khoa học	
KKCN6	Thiếu sự hiểu biết và còn lúng lẫm đối với các tiêu chí, yêu cầu để các bài báo được chấp nhận đăng xuất bản trên các tạp chí khác nhau	
KKCN7	Quỹ thời gian giành cho nghiên cứu khoa học hạn chế	
KKCN8	Thiếu kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học	
KKNT	Khó khăn (rào cản) từ nhà trường đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học	
KKNT1	Nhà trường chưa thể hiện được tầm quan trọng và sự ưu tiên của nghiên cứu khoa học trong quá trình học đại học của sinh viên	Hasan Ashtafi-rizi và Cộng sự (2015)
KKNT2	Thời gian học các học phần, tín chỉ trong chương trình học quá nhiều	
KKNT3	Thiếu sự hướng dẫn về nghiên cứu khoa học từ giảng viên hoặc cán bộ Phòng nghiên cứu khoa học	
KKNT4	Thiếu sự chủ động trong việc thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học	
KKNT5	Thời gian phê duyệt các đề tài quá lâu	
KKNT6	Thiếu cơ sở vật chất (máy tính, máy in)	
KKNT7	Kinh phí cho việc thực hiện nghiên cứu khoa học chưa đủ	
KKNT8	Thủ tục hành chính từ lúc bắt đầu đăng ký nghiên cứu khoa học đến nghiệm thu phức tạp và bị động.	
KKNT9	Sự thiếu văn hoá nghiên cứu trong môi trường đại học	
TG	Sự tham gia nghiên cứu khoa học	
TG1	Tôi sẵn sàng dành nhiều thời gian hơn để thực hiện nghiên cứu khoa học	Abeer Abuzeid Atta Elmannan và Cộng sự (2021)
TG2	Tôi sẵn sàng tham gia vào bất kỳ nhiệm vụ nào trong quy	

	trình thực hiện một nghiên cứu khoa học (nhập dữ liệu, phân tích dữ liệu, viết bản thảo...)
TG3	Tôi sẵn sàng thực hiện nghiên cứu khoa học cũng giống như việc học các học phần khác ở trường
TG4	Tôi sẵn sàng tham gia nghiên cứu khoa học mặc dù chưa có hoặc có ít kinh nghiệm về nghiên cứu khoa học

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đặc điểm mẫu điều tra

Mẫu được phân bố với một số đặc điểm như sau: Thứ nhất, nữ chiếm tỷ lệ phần lớn đạt 75,5% trong khi nam chỉ chiếm 24,5%. Thứ hai, đối tượng tham gia và tìm hiểu về nghiên cứu khoa học nhiều nhất là sinh viên năm 3 đạt 41,4%, tiếp đến sinh viên năm 2 đạt 39%, sau đó là sinh viên năm 1 chiếm 15,3% và cuối cùng là sinh viên năm thứ 4 chiếm tỷ lệ không đáng kể 0,4%. Thứ ba, sinh viên tại khoa Quản trị kinh doanh chiếm tỷ lệ cao nhất đạt 43,8%, tiếp theo là khoa Kinh tế và phát triển đạt 28,5%, khoa Kế toán - Tài chính đứng thứ ba với tỷ lệ 21,3%, sau đó là khoa Hệ thống thông tin kinh tế đạt 6% và thấp nhất là khoa Kinh tế chính trị đạt 0,4%. Cuối cùng, đa số các bạn sinh viên đều mức điểm trung bình học tập đạt ở mức từ 2,5 đến 3,19 chiếm tỷ lệ cao nhất 53,8% , ở mức 3,2 - 3,59 chiếm tỷ lệ cao nhì đạt 25,3%, ở mức 2,0 - 2,49 đạt tỷ lệ 12,4% và mức 3,6 - 4 đạt tỷ lệ thấp nhất ở 7,2%. Như vậy, sự phân bố này hoàn toàn phù hợp với xu thế chung của trường, trong đó, tỷ trọng nữ luôn chiếm nhiều hơn nam. Sinh viên năm thứ 2 và thứ 3 có nhiều thuận lợi cho việc tham gia nghiên cứu khoa học hơn ví dụ như đã được làm quen với môi trường đại học, đã được học các môn liên quan đến phương pháp nghiên cứu khoa học, cân đối được thời gian học các môn tín chỉ và thời gian thực hiện nghiên cứu khoa học so với sinh viên năm nhất và năm cuối và số lượng đề tài đăng ký nghiên cứu khoa học tại khoa Quản trị kinh doanh luôn đứng đầu danh sách.

Bảng 3.1: Thống kê các đối tượng khảo sát

Biến		Tần số	Tỷ lệ %
<i>Giới tính</i>	Nam	61	24,5
	Nữ	188	75,5
<i>Độ tuổi</i>	Từ 19 - 21tuổi	233	93,6
	Từ 22 - 24 tuổi	13	5,2

	Trên 24 tuổi	3	1,2
Sinh viên	Năm 1	38	15,3
	Năm 2	97	39
	Năm 3	103	41,4
	Năm 4	1	0,4
	Cựu sinh viên	10	4,0
Khoa	KT-TC	53	21,3
	QTKD	109	43,8
	HTTTKT	15	6,0
	KT&PT	71	28,8
	KTCT	1	0,4
ĐTB	3,6 - 4	18	7,2
	3,2 - 3,59	63	25,3
	2,5 - 3,19	134	53,8
	2,0 - 2,49	31	12,4
	Dưới 2,0	3	1,2
Học môn phương pháp NCKH	Có	179	71,9
	Chưa từng	70	28,1
Tham gia NCKH	Trưởng nhóm	30	12
	Thành viên	40	16,1
	Chưa từng	179	71,9

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS của tác giả năm 2023

3.2. Kết quả nghiên cứu

Đầu tiên, nhóm nghiên cứu tiến hành kiểm định độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha. Kết quả kiểm định của các nhân tố trong mô hình đều lớn hơn 0,7 là mức chấp nhận theo yêu cầu và hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3. Tuy nhiên, có một biến quan sát TD3 “Nghiên cứu khoa học không quá phức tạp” thuộc nhóm “Thái độ đối với nghiên cứu khoa học” có hệ số tương quan biến tổng là $0,355 > 0,3$, nhưng khi loại biến này thì hệ số Cronbach's Alpha của nhóm được cải thiện từ 0,758 lên 0,833. Do đó, nhóm tác giả quyết định loại biến này. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cuối cùng như sau:

Bảng 3.2: Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo

STT	Nhân tố	Số biến quan sát	Cronbach's Alpha
1	TD	3	0,833
2	LI	7	0,946

3	KKCN	8	0,972
4	KKNT	9	0,916
5	TG	4	0,891

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS của tác giả năm 2023

Sau đó, nhóm tác giả tiếp tục tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA bằng cách sử dụng phương pháp trích Principal Components với phép xoay Varimax. Kết quả thu được cho thấy kiểm định KMO = 0,918, kiểm định Bartlett's có Sig. = 0,000, có trị số Eigenvalue ≥ 1 và hệ số tải nhân tố của các biến quan sát đều $> 0,5$ do đó các biến này có độ tin cậy và ý nghĩa thực tiễn. Các biến Thái độ đối với nghiên cứu khoa học (TD) và Lợi ích đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học (LI) gom lại với nhau thành nhóm Lợi ích và thái độ đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học (LITD). Hai nhóm giữ nguyên là Khó khăn từ cá nhân đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học (KKCN) và Khó khăn từ nhà trường đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học (KKNT). Như vậy, sau khi phân tích EFA có 3 nhóm nhân tố là Lợi ích và thái độ đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học (LITD), Khó khăn từ cá nhân đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học (KKCN) và Khó khăn từ nhà trường đối với việc tham gia nghiên cứu khoa học (KKNT). Kiểm định Cronbach's Alpha của nhóm LITD cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của các nhóm này đều $> 0,7$ và hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3. Trị số Eigenvalue ≥ 1 và hệ số tải nhân tố của các biến quan sát đều $> 0,5$ do đó các biến này có độ tin cậy và ý nghĩa thực tiễn.

Kết quả sau khi phân tích nhân tố như sau:

Bảng 3.3: Kết quả xoay nhân tố các nhân tố tác động đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

Nhân tố	1	2	3
NCKH giúp phát triển nâng cao tư duy phản biện	0,875		
NCKH giúp đạt nhiều hiểu biết sâu hơn về khoa học và bản chất của khoa học	0,875		
NCKH giúp nâng cao kiến thức (phát triển trí tuệ)	0,874		
NCKH giúp nâng cao sự tự tin vào năng lực bản thân	0,873		
NCKH giúp làm tăng thái độ tích cực của bản thân	0,858		
NCKH giúp tăng các kỹ năng của con người (giao tiếp, viết luận, thiết kế, thu thập dữ liệu, sử dụng máy tính, làm việc nhóm...)	0,847		

NCKH làm tăng giá trị cho bản thân	0,831		
NCKH là điều thú vị	0,774		
NCKH giúp xây dựng đạo đức trong nghiên cứu khoa học	0,766		
Tôi cảm thấy tự hào khi tham gia NCKH	0,610		
Thiếu kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học	0,847		
Thiếu kiến thức và kỹ năng về phương pháp nghiên cứu	0,838		
Thiếu sự hiểu biết và còn lúng lẫm đối với các tiêu chí, yêu cầu để các bài báo được chấp nhận đăng xuất bản trên các tạp chí khác nhau	0,794		
Hạn chế trong việc tiếp cận với số liệu thống kê và các nguồn dữ liệu	0,784		
Thiếu kiến thức tổng quan về việc nghiên cứu khoa học	0,781		
Thiếu hứng thú hoặc động lực để nghiên cứu	0,741		
Quỹ thời gian giành cho nghiên cứu khoa học hạn chế	0,736		
Thiếu trình độ tiếng Anh	0,708		
Thủ tục hành chính từ lúc bắt đầu đăng ký nghiên cứu khoa học đến nghiệm thu phức tạp và bị động	0,773		
Thiếu cơ sở vật chất (máy tính, máy in)	0,756		
Thiếu sự hướng dẫn về nghiên cứu khoa học từ giảng viên hoặc cán bộ Phòng nghiên cứu khoa học	0,756		
Thiếu sự chủ động trong việc thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học	0,745		
Nhà trường chưa thể hiện được tầm quan trọng và sự ưu tiên của nghiên cứu khoa học trong quá trình học đại học của sinh viên	0,744		
Kinh phí cho việc thực hiện nghiên cứu khoa học chưa đủ	0,736		
Thời gian phê duyệt các đề tài quá lâu	0,736		
Sự thiếu văn hoá nghiên cứu trong môi trường đại học	0,716		
Thời gian học các học phần, tín chỉ trong chương trình học quá nhiều	0,610		
Giá trị Eigen Value	9,393	6,055	2,350
Tổng Phương sai trích	34,790	57,215	65,920

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS của tác giả năm 2023

Kết quả phân tích hồi quy của mô hình như sau:

Giá trị kiểm định độ phù hợp của mô hình $F = 1,436$ và $Sig = 0,000 (<0,05)$ nên mô hình được xem là phù hợp với tổng thể, hệ số phóng đại phương sai VIF chỉ giao động từ 1,067 đến 1,531 (nhỏ hơn 2), hệ số Tolerance đều $> 0,5$, do đó không có dấu hiệu của hiện tượng đa cộng tuyến và không có mối quan hệ tương quan chặt chẽ giữa các biến độc lập. Hệ số R^2 hiệu chỉnh cho thấy các biến độc lập đưa vào ảnh hưởng 51,4% sự biến thiên của sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên, còn lại là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Kết quả phân tích ANOVA có $Sig = 0,000 < 0,05$ cho thấy các biến trong mô hình có thể giải thích được sự thay đổi của biến phụ thuộc. Phương trình hồi quy chuẩn hoá có dạng:

$$TG = 0,656 * LITD - 0,180 * KKC$$

Các biến LITD và KKC đều có Sig kiểm định t nhỏ hơn 0,05 do đó các biến này đều có ý nghĩa thống kê, đều tác động lên biến phụ thuộc TG. Như vậy giả thuyết H_1 , H_2 và H_3 được chấp nhận. Ngoài ra, hệ số Beta của biến LITD > 0 và hệ số Beta của biến KKC < 0 , như vậy cho thấy biến LITD tác động cùng chiều đến biến phụ thuộc, trong khi biến KKC lại có tác động ngược chiều với biến phụ thuộc TG. Riêng biến KKNT có giá trị Sig kiểm định t bằng $0,468 > 0,05$, do đó biến này không có ý nghĩa trong mô hình hồi quy, có nghĩa là biến này không tác động lên biến phụ thuộc, như vậy giả thuyết H_4 bị bác bỏ.

Từ phương trình hồi quy có thể đánh giá được mức độ tác động của 2 biến độc lập đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên trường Đại học Kinh tế Huế, cụ thể Lợi ích và thái độ có tác động mạnh mẽ nhất đến sự tham gia nghiên cứu của sinh viên, tiếp đến là Khó khăn (rào cản) của cá nhân cũng là một nhân tố ảnh hưởng và ảnh hưởng ngược chiều đến sự tham gia nghiên cứu của sinh viên. Tuy nhiên, những khó khăn (rào cản) từ nhà trường lại không có ảnh hưởng hay tác động đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế. Điều này trái ngược với các kết quả nghiên cứu trước đây của Hasan Ashrafi-rizi và cộng sự (2015), Hà Đức Sơn và Nông thị Như Mai (2018) và Phạm Văn Quang và cộng sự (2018).

Kết quả cũng cho thấy rằng những rào cản hay khó khăn từ phía cá nhân các bạn sinh viên cụ thể là những hạn chế về năng lực bản thân, là sự thiếu kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, thiếu tài liệu nghiên cứu, chưa biết cách tiếp cận với các phương pháp

nghiên cứu, chưa biết cách xử lý số liệu, chưa quen thuộc và thiếu hiểu biết về các tiêu chí bài báo hay báo cáo, thiếu thời gian dành cho nghiên cứu. Như vậy, kết quả này hoàn toàn tương đồng đối với kết quả nghiên cứu của Hasan Ashrafi-rizi và cộng sự (2015), Abeer Abuzeid Atta Elmannan và cộng sự (2012).

4. Kết luận và khuyến nghị giải pháp

Sinh viên luôn có thái độ tích cực với nghiên cứu khoa học, nhận thấy nhiều lợi ích mang lại thì sẽ càng muốn tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, là một điều không thể phủ nhận. Thực tế, bản thân các bạn được bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực nghiên cứu khoa học, xây dựng đạo đức và nâng cao các kỹ năng khác trong nghiên cứu khoa học. Từ những lợi ích đó, các bạn được khẳng định bản thân hơn, tự tin hơn, tự hào hơn và năng lực bản thân được hoàn thiện hơn. Những giá trị đó là vô cùng quý giá, do vậy nhà trường cố gắng luôn củng cố và duy trì năng lực hiện tại để đảm bảo thái độ và lợi ích trong nghiên cứu khoa học luôn được mang lại cho các bạn sinh viên.

Những rào cản khó khăn là một nhân tố tác động khá lớn đến việc tham gia nghiên cứu của sinh viên. Cụ thể, sinh viên có những hạn chế về năng lực ngoại ngữ, thiếu kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, thiếu tài liệu nghiên cứu, chưa biết cách để tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu, chưa biết cách xử lý số liệu, chưa quen thuộc và thiếu hiểu biết về các tiêu chí viết báo và đặc biệt chưa biết cách cân bằng giữa thời gian học và thời gian dành cho nghiên cứu trong khi thời lượng tham gia học tập quá nhiều. Do đó, nhà trường cần có những biện pháp để giảm thiểu những khó khăn này.

Thứ nhất, định kỳ thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện để định hướng về cách làm nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu khoa học và chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu cho các bạn sinh viên.

Thứ hai, cần sự kết nối những sinh viên đã từng làm nghiên cứu khoa học với những sinh viên mới đăng ký tham gia nghiên cứu khoa học hoặc sinh viên yêu thích, có ý định muốn tham gia nghiên cứu khoa học, bởi vì đây là những thành viên hỗ trợ hết sức tích cực trong việc chia sẻ kinh nghiệm và truyền cảm hứng thực hiện nghiên cứu khoa học. Nhà trường có thể thành lập câu lạc bộ khoa học để giúp kết nối, duy trì và phát triển việc nghiên cứu khoa học chủ động từ phía sinh viên. Đặc biệt, đây cũng là

cơ hội, sân chơi lành mạnh, bổ ích giúp sinh viên chủ động tích cực, tự học, tự nghiên cứu khoa học, rèn luyện đạo đức, nâng cao năng lực ngoại ngữ phục vụ cho việc tìm hiểu và tham gia nghiên cứu khoa học.

Thứ ba, giảng viên là vừa người kết nối quan trọng giữa sinh viên và nghiên cứu khoa học, vừa là người có thể giải quyết những khó khăn mà sinh viên đang gặp phải khi tham gia nghiên cứu khoa học cũng như đang tìm hiểu về nghiên cứu khoa học. Như vậy, nhà trường nên cần một bộ phận hoạt động thường xuyên và cố định về việc hỗ trợ hướng dẫn nghiên cứu khoa học, bộ phận này bao gồm những giảng viên có nhiều kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu, viết báo và các kho dữ liệu về nghiên cứu khoa học. Đây là nơi mà sinh viên có thể tìm đến xin ý kiến và giải đáp mọi thắc mắc về hoạt động nghiên cứu khoa học.

Cuối cùng, các học phần chi tiết trong chương trình đào tạo cần được sắp xếp điều chỉnh lại phù hợp hơn trong các học kỳ để sinh viên có được một khoảng thời gian nhất định dành riêng cho nghiên cứu khoa học. Hiện tại sinh viên năm 3 có thời lượng tham gia các học phần khá nhiều. Sinh viên năm thứ 2 hoặc năm thứ 3 cần được sự ưu tiên về thời gian để có thể thực hiện nghiên cứu khoa học dễ dàng hơn.

Cuối cùng, nhà trường cũng nên có những phần thưởng rõ ràng, cụ thể và giá trị hơn để thể hiện việc ghi nhận thành quả công trình nghiên cứu khoa học của các bạn sinh viên. Đó cũng là thể hiện sự công nhận, tôn vinh thành tựu nghiên cứu khoa học và là động lực để các bạn sinh viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Abeer Abuzeid Atta Elmannan, Saleh A Alrebish, Rahaf Khalid Alqarzai, Atheen Ahmad Alshubrimi, Abdulrahman Yousef Alammar, Hammad Saleh Alsaeed. (2021) *“Barriers To Participation in Research As Perceived By Undergraduate Medical Students: A Cross-Sectional Study From Qassim”*.

Arsmtrong, S.J & Perry, T, (1994), Business school prestige: research versus teaching, *Interface*, 24(2), p.13-43.

C. Robson (2010), *Real world research*, Sage Publications, New York.

Earl R. Babbie (1986), *The practice of social research*, Masaryk University, Czech Republic.

Dương Thiệu Tống: *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý*. Nhà xuất bản khoa học xã hội, 2005.

Hà Đức Sơn, Nông Thị Như Mai.(2018). "*Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên – Nghiên cứu trường hợp Đại học Tài chính-Marketing*", Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing số 49, 02/2019.

Hasan Ashrafi-rizi, Zarmehr Fateme, Zahra Ghazavi Khorasgani, Zahra Kazempour, Sona Taebi Imani. (2015). "*Barriers to Research Activities from the Perspective of the Students of Isfahan University of Medical Sciences*".ACTA INFORM MED. 2015 JUN 23(3): 155-159.

Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), "*Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 1, tập 2)*", nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.

Izadi E, Reisi M, Sharifirad GH, Tavassoli E,GHazanfari Z, Javadzade HH. "*Knowledge and Attitude of Students Toward Research in Isfahan University of Medical Sciences*". Scientific Journal of Ilam University of Medical Sciences. 2013; 21 (6): 56-62.

Natalia Moskvicheva, Nina Bordovskaia, and Larisa Darinskaya "*Role of Students and Supervisors' Interaction in Research Projects: Expectations and Evaluations*" Procedia - Social and Behavioral Sciences, vol. 171, 2015. doi:10.1016/j.sbspro.2015.01.163.

Nguyễn Đình Thọ (2011), "*Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*", Nhà xuất bản Lao động-Xã hội.

Nguyễn Đình Thọ (2014), "*Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh* ", Nhà xuất bản tài chính.

Phạm Quang Văn, Lê Văn Trọng, Huỳnh Văn Kiệt, Hoàng Thị Xuân. (2018). "*Một số yếu tố tác động đến động lực nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học giao thông vận tải Hồ Chí Minh*", Tạp chí khoa học công nghệ giao thông vận tải, số 30 - 11/2018.

Stockfelt, M., Karlsson, L. & Finizia, C. *Research interest and activity among medical students in Gothenburg, Sweden, a cross-sectional study*. BMC MedEduc 16, 226 (2016). <https://doi.org/10.1186/s12909-016-0749-3>.

Troy D.Sadler and Lyle McKinney (2010). "Scientific Research for Undergraduate Students: A Review of the Literature". Journal of College Science Teaching, May/June 2010. Vol 39. No 5, Special Issue Theme: Research and Teaching. pp. 43-49.

**FACTORS AFFECTING THE PARTICIPATION IN SCIENTIFIC RESEARCH
OF STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF ECONOMICS, HUE UNIVERSITY**

**Tran Phan Khanh Trang, Tran Thi Khanh Tram, Do Truong Xuan,
Cai Thi Thanh Lam**

Abstract. The research was conducted with the purpose of identifying factors affecting the participation in scientific research of students at the University of Economics, Hue University. Based on the survey results of 249 students at the university, students who have been participating in scientific research, in addition, there are also some students who have not participated in scientific research but have learned about scientific research activities. The result shows that Interests and Attitudes towards scientific research have the largest and most positive impact on students' participation in scientific research. On the contrary, difficulties (barriers) from the students themselves have a negative impact on their participation in scientific research. Difficulties from school do not affect students' participation in scientific research at the university. From those results, the authors also proposed some solutions to raise awareness of the benefits and attitudes of students toward scientific research. Moreover, supporting and resolving students' personal barriers helps students become more motivated to participate in scientific research.

Keywords: Scientific research; Undergraduate; Students; Research barriers; Benefits.